TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **95**/2023/DS - PT
Ngày: 26/4/2023
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm.**

Ông **Lê P1 Thanh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắng**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp chia tài sản chung"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1135/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H; sinh năm 1972; địa chỉ: Số 02 đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Công D; địa chỉ: Số 55-57 tầng 2, đường N1, phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Minh K; sinh năm 1971; địa chỉ: GA 31410-1821, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Minh Nh; địa chỉ: Số 16 đường M, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Minh H cùng bà Đặng Thị Minh K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông, bà cùng tạo lập một khối tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 96,4m^2 thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 51 và tài sản trên đất là một ngôi nhà ở có diện tích 72,5m^2 tại địa chỉ số 02 B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 910272, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04866 do Uỷ ban nhân dân thành phố N cấp ngày 02/6/2017), nhà, đất hiện do ông H đang quản lý, còn bà K đang sinh sống ở nước ngoài. Trị giá đất và tài sản trên đất hiện nay là 8.400.000.000đ (tám tỷ bốn trăm triệu đồng).

Hiện nay, ông H và bà K không còn chung sống với nhau nữa và ông H có nhu cầu được phân chia tài sản chung là nhà, đất nêu trên. Tuy nhiên, dù ông H đã nhiều lần liên hệ với bà K yêu cầu tiến hành các thủ tục phân chia tài sản chung này nhưng bà K luôn cố tình lảng tránh, không hợp tác.

Vì vậy, ông H yêu cầu Toà án chia đôi tài sản chung của ông H và bà K. Bà K muốn nhận nhà, đất thì thanh toán, lại cho ông H 4.200.000.000đ, nếu bà K không muốn nhận thì ông H xin nhận và thanh toán 4.200.000.000đ cho bà K. Nếu bà K không đồng ý với các phương án trên, đề nghị Tòa án định giá tài sản và phân chia theo qui định của pháp luật, ông H xin được nhận nhà, đất và thanh toán lại cho bà K 1/2 giá trị nhà, đất theo kết quả định giá. Hiện ông H đang trực tiếp quản lý nhà, đất và giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Trước đây, bà Đặng Thị Minh K và ông Nguyễn Minh H gặp nhau ở Mỹ và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2014, bà Đặng Thị Minh K có gửi tiền về để nhờ người quen ở Việt Nam mua nhà đất (nay là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 51, địa chỉ tại số 02 B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) và nhờ người đứng tên hộ là ông Bùi Minh Đ (em cùng mẹ khác cha với ông H). Ông Đ là người trực tiếp giao dịch mua nhà, đất với người chủ cũ và sau đó, ông Đ chuyển quyền lại cho ông H và bà K.

Đầu năm 2017, nhà đất nêu trên được sang tên qua cho bà Đặng Thị Minh K và ông Nguyễn Minh H. Bởi vì thời gian đó ông H có quốc tịch Việt Nam nên được quyền đứng tên trên quyền sử dụng đất, và trên đất có nhà ở, bà K không có quốc tịch Việt Nam nên phải chấp nhận cho ông H cùng đúng tên để bà K đứng tên theo hình thức sở hữu nhà ở. Nhà, đất trên đã được Ủy ban nhân dân

thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CH04866 ngày 02/6/2017. Vì ông H thường xuyên về Việt Nam nên các thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận đều do ông H làm để thuận tiện, sau khi được cấp Giấy chứng nhận thì ông H cũng là người giữ bản gốc Giấy chứng nhận cùng với chìa khóa nhà mà không đưa lại cho bà K.

Đến cuối năm 2017, bà Đặng Thị Minh K và ông Nguyễn Minh H không còn chung sống với nhau nữa. Ông H thường xuyên về Việt Nam trông coi nhà cửa và có cho người khác thuê lại nhà đất trên. Ông H nhận tiền thuê và tiền đặt cọc để tiêu xài cho riêng mình nên khi người thuê trả nhà thì bà K là người phải bỏ số tiền 5.000USD để trả lại cho người thuê. Từ thời điểm mua nhà đất trên vào năm 2014 cho đến nay, bà Đặng Thị Minh K đều đặn gửi số tiền 1.000 - 2.000USD/năm từ Mỹ nhờ người mang về Việt Nam để lo cho nhà cửa và người giúp việc nhà. Đến năm 2019, ông Nguyễn Minh H lấy lý do đã cầm cố bản gốc Giấy chứng nhận nhà đất trên cho những người cho vay nặng lãi nên đề nghị bà K gửi 50.000 USD về để chuộc giấy tờ về nếu không họ sẽ lấy mất nhà. Vì sống ở nước ngoài lâu nên bà K không hiểu biết pháp luật ở Việt Nam nên khi nghe ông H nói vậy thì bà K đã lo lắng mà chuyển tiền theo yêu cầu của ông H.

Các khoản tiền mà bà Đặng Thị Minh K gửi về như đề cập ở trên hầu như bà đều nhờ người cầm từ Mỹ về Việt Nam. Do đó, sự việc này có rất nhiều người biết và sẵn sàng ra làm chứng. Trong đó, người làm chứng quan trọng nhất là bà Dương Huỳnh Mộng D1 (sinh năm 1980, CCCD số 056180005692 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp, địa chỉ Tổ 15 đường N2, phường N3, N, Khánh Hòa), bà D1 là người giúp việc nhà cho bà K trong nhiều năm nay tại Việt Nam và chứng kiến toàn bộ sự việc.

Vì vậy, bị đơn bà Đặng Thị Minh K xác định toàn bộ nhà đất tranh chấp là tài sản riêng của bà K, do bà K gửi tiền về Việt Nam nhờ người mua nên bà K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: (1) không đồng ý với yêu cầu của phía bị đơn về ngừng phiên tòa để triệu tập người làm chứng là ông Bùi Minh Đ (em cùng cha khác mẹ với ông Nguyễn Minh H), bà Lê Hoàng L (vợ ông Bùi Minh Đ) là người nhận tiền của bà K để trả công dọn dẹp cho bà Dương Huỳnh Mộng D1, bà Bùi Thị P1 (chị ông Đ) và ông Tôn Thất Tuấn N4 (chồng bà P1) và cho rằng việc triệu tập những người này không cần thiết, không có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, chỉ là cớ để nguyên đơn cố tình kéo dài vụ án; Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải, đưa vụ án ra xét xử lần đầu, cho đến gần đến ngày xét xử lần thứ hai, nguyên đơn mới đưa ra yêu cầu này là không thể chấp nhận; lý do đưa ra yêu cầu chậm là do bà K có khó khăn trong việc nhớ lại những người này cũng không thuyết phục vì

bà K có liên lạc với những người này; (2) bà K cho rằng bà để ông H cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là do phải có ông H là người có quốc tịch Việt Nam đứng tên thì bà mới được đứng tên cũng là vô lý vì cả bà và ông H đều có quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ở Việt Nam và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; (3) bị đơn cho rằng bà Dương Huỳnh Mộng D1 là người làm chứng quan trọng nhất chứng minh việc bà K gửi tiền về nhờ người mua đất và nhiều chuyện nữa nhưng tại phiên tòa, bà D1 cũng chỉ trình bày việc bà có dọn dẹp nhà cửa lúc đầu là cho ông Đ, sau đó là cho bà K và ông H và nhận tiền dọn dẹp từ bà L, những việc khác bà không biết. Ngoài ra, phía bị đơn không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho những lời trình bày của mình.

Do không xác định được phần đóng góp của mỗi người và bà K không có thiện chí chia tài sản chung nên ông Nguyễn Minh H xin được nhận nhà, đất và thanh toán 1/2 giá trị nhà đất theo kết quả định giá.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Minh K vẫn giữ nguyên những trình bày đã được đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án, xác định nhà đất tranh chấp là tài sản riêng của bà Đặng Thị Minh K và đề nghị Tòa án ngừng phiên tòa, triệu tập thêm những người làm chứng đúng như phía nguyên đơn đã nêu ở trên; ngoài ra, phía bị đơn không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 209, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H về chia tài sản chung.

1. Ông Nguyễn Minh H được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 51 tại số 2, B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 96,4m^2, trong đó, đất ở tại đô thị 72,5m^2, đất trồng cây lâu năm 23,9m^2, có 22,2m^2 thuộc qui hoạch giao thông và nhà ở trên đất, diện tích xây dựng 72,5m^2, nhà cấp 3, diện tích sàn 237,lm^2; nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào số cấp GCN: CH04866 ngày 02/6/2017 cho ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Minh K.

Ông Nguyễn Minh H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền tài sản được nhận.

2. Ông Nguyễn Minh H phải thanh toán cho bà Đặng Thị Minh K 3.433.365.400đ là ½ giá trị nhà, đất nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2022, ông Võ Minh Nh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đạng Thị Minh K kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đại diện nguyên đơn đề nghị bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh Nh là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Minh K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của ông Võ Minh Nh là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Minh K thì thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại địa chỉ số 02 đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; đất có diện tích 96,4m^2 (đất ở đô thị 72,5m^2, đất trồng cây lâu năm 23,9m^2) và căn nhà có diện tích xây dựng 72,5m^2, diện tích mặt sàn 237,1m^2. Nhà và đất trên đã được UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 910272, số vào sổ cấp GCN: CH04866, ngày 02/6/2017, đứng tên ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Minh K.

[2]. Quá trình tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, trước đây ông Khải và bà K có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nhà và đất nêu trên ông Nguyễn Minh H cho

rằng là tài sản chung được tạo lập trong quá trình sống chung; còn bà Đặng Thị Minh K thì cho rằng do bà gửi tiền của bà về nhờ người mua nên là tài sản của bà. Tuy nhiên, bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà gửi tiền của riêng bà về để mua nhà đất nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà và đất tại số 02 đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Minh K. Do ông H ở Việt Nam, bà K ở Mỹ và các bên không chứng minh được phần quyền của mình trong khối tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao hiện vật cho ông H và ông H có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị tài sản cho bà K là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Trình bày ý kiến tại văn bản giải trình kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành triệu tập người làm chứng có liên quan đến việc bà K gửi tiền về mua nhà như ông Bùi Minh Đ, bà Vũ Lê Hoàng L, bà Bùi Thị P1 và ông Tôn Thất Tuấn N4 khiến việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, không đảm bảo tính đúng đắn và không đồng ý với giá trị tài sản tranh chấp theo Biên bản định giá ngày 26/10/2022 vì quá thấp. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Sau khi vụ án được xét xử sơ thẩm, các ông Bùi Minh Đ, bà Bùi Thị P1 và ông Tôn Thất Tuấn N4 có văn bản trình bày việc tranh chấp giữa ông H, bà K không liên quan đến họ và đề nghị không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thành lập Hội đồng định giá, tiến hành định giá tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Minh Nh cũng thừa nhận ông có biết kết quả định giá và không có khiếu nại gì. Do đó, yêu cầu này của phía bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Từ các nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H, xác định nhà và đất tại số 02 đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Minh K; quyết định giao ông Nguyễn Minh H được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất và buộc ông Nguyễn Minh H phải thanh toán ½ giá trị nhà, đất nêu trên cho bà Đặng Thị Minh K là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông Võ Minh Nh đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Minh K kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới, khác để làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố dụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh Nh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Minh K và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Điều 209, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H về chia tài sản chung.

1.1. Ông Nguyễn Minh H được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 51 tại số 2, B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 96,4m^2, trong đó, đất ở tại đô thị 72,5m^2, đất trồng cây lâu năm 23,9m^2, có 22,2m^2 thuộc qui hoạch giao thông và nhà ở trên đất, diện tích xây dựng 72,5m^2, nhà cấp 3, diện tích sàn 237,1m^2; nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 910272, số vào sổ cấp GCN: CH04866 ngày 02/6/2017 cho ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Minh K.

Ông Nguyễn Minh H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền tài sản được nhận.

1.2. Ông Nguyễn Minh H phải thanh toán cho bà Đặng Thị Minh K 3.433.365.400đ là ½ giá trị nhà, đất nêu trên.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Đặng Thị Minh K phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0010054 ngày 09/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Đặng Thị Minh K đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp